

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TAM ĐIỆP
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2024/HNGĐ-ST
Ngày 30 tháng 7 năm 2024.
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TAM ĐIỆP TỈNH NINH BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Phan Ngọc Hà

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Hoan;

2. Ông Lê Thanh Sơn.

- **Thư ký phiên tòa:** ông Phạm Việt Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp tham gia phiên tòa:** bà Trịnh Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2024 tại phòng xét xử dân sự. Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2024/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2024 về “ Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn ” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2024/QĐXX-ST ngày 14 tháng 6 năm 2024; quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2024/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1985 (có mặt)

Địa chỉ: thôn L, xã Y, thành phố T, tỉnh Ninh Bình.

2. Bị đơn: anh Đinh Văn N, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Địa chỉ: thôn L, xã Y, thành phố T, tỉnh Ninh Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 3 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Đinh Văn N1 được tự do tìm hiểu, hai bên hoàn toàn tự nguyện và đi đến hôn nhân, đăng ký tại ủy ban nhân dân xã Y, thành phố T, tỉnh Ninh Bình vào năm 2004. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng về quan điểm sống trong xây dựng kinh tế gia đình, anh N1 thể hiện là người vô trách nhiệm, anh N1 không tu chí làm ăn, vợ chồng thường xuyên cãi vã, đánh nhau, hai bên tính cách không hợp, vợ chồng không có sự tôn

trọng lẫn nhau. Từ tháng 10 năm 2022 cho đến nay vợ chồng ly thân, hai bên không còn quan tâm đến đời sống của nhau, cuộc sống của ai tự người ấy lo, mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên nhủ, năm 2023 chị đã làm đơn xin ly hôn, trong quá trình giải quyết được Toà án hoà giải để vợ chồng trở về đoàn tụ chị đã rút đơn khởi kiện, sau khi rút đơn tình cảm vợ chồng không thay đổi, chị và anh N1 vẫn sống ly thân, nay chị xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị làm đơn xin ly hôn anh N1.

Về con chung: chị và anh N1 có hai con chung, cháu Đinh Thị Phương H1, sinh ngày 30/10/2005 và cháu Đinh Quang H2, sinh ngày 09/11/2015 hiện nay các cháu đang ở cùng với chị, nếu Toà án giải quyết cho chị ly hôn, chị xin được nuôi cháu Đinh Quang H2 và không yêu cầu anh N1 cấp dưỡng nuôi con hàng tháng; đối với cháu Đinh Thị Phương H1 hiện nay cháu đã trưởng thành việc cháu ở với ai thuộc quyền của cháu. Hiện chị không có thai.

Về chia tài sản chung và công nợ: chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

+ Đối với anh Đinh Văn N1 từ khi Toà án thụ lý vụ án đến phiên Toà hôm nay anh N1 không hợp tác. Toà án đã yêu cầu đương sự giao nộp chứng cứ cũng như thông báo cho anh N1 biết việc chị H yêu cầu xin ly hôn. Anh N1 không có bất cứ ý kiến gì về việc chị H làm đơn xin ly hôn. Toà án đã tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương thể hiện anh N1, chị H đều là công dân cư trú tại thôn L, xã Y, thành phố T, tỉnh Ninh Bình. Việc mâu thuẫn vợ chồng, chính quyền địa phương không nắm được, vào năm 2023 vợ chồng chị H có làm đơn xin ly hôn sau đó chị H rút đơn trở về đoàn tụ, còn tình cảm vợ chồng có mâu thuẫn hay không, anh N1 chị H không trình bày với địa phương. Hiện nay chị H đang sống cùng bố mẹ đẻ của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình phát biểu ý kiến: về những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đến trước phiên tòa; đề nghị HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, Điều 228; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27, Tiểu mục 1.1 Mục 1 Phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12 -2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị HĐXX:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị H, xử cho chị Nguyễn Thị H được Ly hôn với anh Đinh Văn N1;

2. Về con chung: Đối với cháu Đinh Thị Phương H1, sinh ngày 30/10/2005 đã trưởng thành nên không phải xem xét đến việc ai nuôi cháu. Giao cho chị Nguyễn Thị H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục

cháu Đình Quang H2, sinh ngày 09/11/2015 cho đến khi cháu H2 đủ 18 tuổi và có khả năng lao động được. Anh N1 có quyền thăm nom con chung không ai có quyền ngăn cản.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: do chị H không yêu cầu, nên không phải xem xét.

4. Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị H đã nộp theo biên lai số: 0000393 ngày 14/3/2024 tại chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: tranh chấp ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân cấp huyện có thẩm quyền giải quyết, được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị H, anh N1 có đăng ký tạm trú tại thôn L, xã Y, thành phố T, tỉnh Ninh Bình nên thuộc thẩm quyền của tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp giải quyết, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của anh N1. Tòa án đã tiến hành các thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: chị Nguyễn Thị H và anh Đình Văn N1 xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, thành phố T, tỉnh Ninh Bình vào năm 2004 là hôn nhân hợp pháp cần được pháp luật bảo vệ. Nay chị H xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị và anh N1 đã trầm trọng, mục đích của cuộc hôn nhân không đạt được nên chị H làm đơn xin ly hôn anh N1. Yêu cầu về việc giải quyết ly hôn được quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Nội dung vụ án. Chị Nguyễn Thị H và anh Đình Văn N1 kết hôn với nhau vào năm 2004, sau ngày cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng vài năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân của mâu thuẫn vợ chồng là do trong cuộc sống hai vợ chồng không có tiếng nói chung, hai bên không hiểu và thông cảm cho nhau dẫn đến vợ chồng thường xuyên có những lời nói, cũng như hành động xúc phạm nhau, tháng 10/2022 chị và các cháu về sống cùng với bố mẹ đẻ của mình, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay.

Chị H xác định mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, anh N1 thể hiện là người vô tâm, không quan tâm tới kinh tế gia đình, không tu trí làm ăn, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, đánh nhau. Khi mâu thuẫn xảy ra đã được hai bên gia đình hoà giải nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã chấm dứt quan hệ tình

cảm từ tháng 11/2022 cho đến nay, hai bên không còn quan tâm đến đời sống của nhau. Vào năm 2023 chị đã 1 lần làm đơn đến Toà án yêu cầu xin ly hôn với anh N1, Toà án đã thụ lý vụ án, quá trình giải quyết vụ án được Toà án động viên khuyên nhủ để vợ chồng trở về đoàn tụ. Chị đã quay về nhưng sau khi quay về tình cảm vợ chồng không cải thiện, mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng hơn. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, mục đích của cuộc hôn nhân không đạt được nên chị xin được ly hôn anh N1.

Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù anh N1 có mặt tại địa phương nhưng anh N1 không hợp tác với Toà án, anh N1 không có bất kỳ một quan điểm gì đối với việc chị H làm đơn xin ly hôn anh.

Tại biên bản xác minh tại chính quyền địa phương thể hiện: vợ chồng anh N1, chị H sinh sống tại thôn L, xã Y, thành phố T tỉnh Ninh Bình. Anh N1, chị H có hai con chung, cháu Đinh Thị Phương H1 sinh ngày 30/10/2005 và cháu Đinh Quang H2, sinh ngày 09/11/2015 hiện nay các cháu đang ở cùng với chị H. Quan điểm của chính quyền địa phương đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Toà án có văn bản xác minh tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh N1 tại phòng Văn Hoá; phòng L1. Tại văn bản trả lời của phòng văn hoá; phòng Lao động thương binh xã hội: nêu mâu thuẫn vợ chồng chị H, anh N1 có mâu thuẫn bất đồng về quan điểm sống không thể hoà giải được. Về con chung chị H, anh N1 có 02 con chung cháu Đinh Thị Phương H1, sinh ngày 30/10/2005 và cháu Đinh Quang H2, sinh ngày 09/11/2015 hiện nay các cháu đang ở cùng với chị H. Quan điểm của phòng Văn H3; phòng L1, đề nghị toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Toà án tiến hành xác minh ghi lời khai bà Phạm Thị L (mẹ đẻ anh Đinh Văn N1). Thể hiện vợ chồng anh N1, chị H đã sống ly thân từ 5 năm đến 6 năm, hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng không có kết quả, hiện nay chị H và các cháu đã về ở với bố mẹ đẻ của chị H.

Hội đồng xét xử xét thấy: mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh N1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên xử cho chị H ly hôn với anh N1 căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: trong thời kỳ hôn nhân anh N1, chị H có hai con chung, cháu Đinh Thị Phương H1, sinh ngày 30/10/2005 và cháu Đinh Quang H2, sinh ngày 09/11/2015 hiện nay các cháu đang ở cùng với chị H. Chị H đề nghị Toà án giải quyết cho ly hôn chị xin nuôi cháu Đinh Quang H2 và không yêu cầu anh N1 phải cấp dưỡng nuôi con còn đối với cháu Đinh Thị Phương H1, cháu đã trên 18 tuổi việc cháu ở với ai thuộc quyền của cháu. Tại văn bản ghi ý kiến của người chưa thành niên cháu Đinh Quang H2 trình bày nếu bố mẹ cháu ly hôn cháu xin được ở với mẹ.

Việc giao con chưa thành niên cho ai nuôi cần xem xét đến điều kiện kinh tế cũng như sự điều kiện thuận lợi cho việc học tập của các cháu, hơn nữa từ tháng

10/2022 các cháu đã cùng với chị H tại nhà ông bà ngoại; chị H có thu nhập bình quân hàng tháng là 12.000.000đồng, mức lương trên của chị H đảm bảo việc chăm sóc, giáo dục cháu. Vì vậy, cần giao cháu Đình Quang H2 cho chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

Việc cấp dưỡng nuôi con, chị H không đề nghị anh N1 cấp dưỡng do đó Hội đồng xét xử không xem xét quyết định. Căn cứ các Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: chị Nguyễn Thị H không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm: căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý, sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27, Tiểu mục 1.1 Mục 1 Phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12 -2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử: cho chị Nguyễn Thị H ly hôn với anh Đình Văn N1.

2. Về con chung: giao cho chị Nguyễn Thị H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Đình Quang H2, sinh ngày 09/11/2015 cho đến khi cháu H2 đủ 18 tuổi và có khả năng lao động được.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: do chị H không đề nghị nên không xem xét quyết định trong bản án.

“Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con”.

3. Về án phí: chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị H đã nộp theo biên lai số: 0000393 ngày 14/3/2024 tại chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình.

Chị H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh N1 được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND thành phố Tam Điệp;
- Chi cục THADS thành phố Tam Điệp;
- UBND xã Yên Sơn, thành phố Tam Điệp;
- Lưu HS; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Phan Ngọc Hà